



ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BA VÌ
TRƯỜNG TIỂU HỌC BA TRẠI A



SÁNG KIẾN KINH NGHIỆM

GIÚP HỌC SINH GIẢI BÀI TOÁN NÂNG CAO
VỀ TỈ SỐ PHẦN TRĂM LỚP 5

Tên tác giả : Ngô Thị Minh Huệ
Đơn vị công tác : Trường Tiểu học Ba Trại A
Chức vụ : Giáo viên

Năm học: 2023 – 2024



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN YÊU CẦU CÔNG NHẬN SÁNG KIẾN

Kính gửi: Hội đồng Sáng kiến huyện Ba Vì

Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nơi công tác	Chức danh	Trình độ chuyên môn	Tên sáng kiến
Ngô Thị Minh Huệ	03/01/1979	Trường Tiểu học Ba Trại A	Giáo viên	Đại học	“Giúp học sinh giải bài toán nâng cao về tỉ số phần trăm lớp 5”

- **Lĩnh vực áp dụng sáng kiến:** Toán

- **Tên sáng kiến đề nghị công nhận:** Giúp học sinh giải bài toán nâng cao về tỉ số phần trăm lớp 5.

- **Sáng kiến được áp dụng lần đầu hoặc áp dụng thử :** Từ tháng 9 năm 2023 đến cuối tháng 4 năm 2024 tại Trường Tiểu học Ba Trại A

- **Mô tả bản chất của sáng kiến:**

Để giúp học sinh có thể giải thành thạo 3 dạng toán cơ bản về tỉ số phần trăm trong chương trình lớp 5 tôi đã thực hiện lần lượt các biện pháp sau:

* Rèn kĩ năng tính toán thành thạo các phép tính cộng, trừ, nhân, chia số thập phân.

- Phân loại 3 dạng toán về tỉ số phần trăm

+ Dạng 1: Tìm tỉ số phần trăm của hai số

+ Dạng 2: Tìm phần trăm của một số

+ Dạng 3: Tìm một số biết giá trị tỉ số phần trăm của số đó

* Áp dụng giải một số bài toán nâng cao về tỉ số phần trăm ở cả 3 dạng

- **Những thông tin cần được bảo mật (nếu có):** Không

- **Các điều kiện cần thiết để áp dụng sáng kiến:**

Cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động dạy và học của giáo viên, học sinh,

...

- **Đánh giá lợi ích thu được hoặc dự kiến có thể thu được do áp dụng sáng kiến theo ý kiến của tác giả (So sánh lợi ích kinh tế, xã hội thu được khi áp dụng giải pháp so với trường hợp không áp dụng giải pháp đó, hoặc so với những giải pháp tương tự đã biết ở cơ sở)**

Kết quả thu được

Với việc vận dụng cách dạy trên, sau một thời gian bồi dưỡng học sinh có năng khiếu toán, kĩ năng của các em về dạng toán này tăng lên rõ rệt.

Hiệu quả của sáng kiến:

Sáng kiến với các biện pháp khoa học, phù hợp với điều kiện của trường Tiểu học Ba Trại A cũng như các trường Tiểu học khác.

Sáng kiến kinh nghiệm “Giúp học sinh giải bài toán nâng cao về tỉ số phần trăm lớp 5” nhằm giúp học sinh tháo gỡ những nhầm lẫn giữa các dạng toán về tỉ số phần trăm để các em học tốt môn Toán được áp dụng rất tốt trong trường Tiểu học của tôi.

Với những kinh nghiệm trên tôi đã góp phần nâng cao chất lượng của giờ dạy học Toán của tôi nói riêng và chất lượng giáo dục nói chung. Đồng thời tạo sự say mê hứng thú cho học sinh khi học Toán và các môn học khác.

- Đánh giá lợi ích thu được hoặc dự kiến có thể thu được do áp dụng sáng kiến theo ý kiến của tổ chức, cá nhân đã tham gia áp dụng sáng kiến lần đầu hoặc áp dụng thử nếu có:

Hiệu quả về kinh tế:

Sáng kiến kinh nghiệm “Giúp học sinh giải bài toán nâng cao về tỉ số phần trăm lớp 5”, bản thân tôi đã kết hợp giữa các hình thức dạy học qua máy chiếu, các tư liệu dạy học từ các phương tiện truyền thông điều đó đã tiết kiệm được nguồn kinh phí làm đồ dùng trực quan, biết cách khắc phục những điều kiện khó khăn về cơ sở vật chất trong nhà trường để tự hoàn chỉnh phương pháp dạy học cho riêng mình.

Hiệu quả về xã hội:

Sáng kiến kinh nghiệm “Giúp học sinh giải bài toán nâng cao về tỉ số phần trăm lớp 5” đã thúc đẩy việc nghiên cứu, ứng dụng trong công tác giảng dạy, mang đến những đổi mới, sáng tạo trong việc dạy và học. Giúp giáo viên hiểu rõ và áp dụng được những đổi mới của phương pháp dạy học trong từng phần, từng môn học được phụ trách. Có những đánh giá đúng và chính xác về khả năng tiếp thu kiến thức, kỹ năng của học sinh trong từng bài học. Khắc phục được các nhược điểm của phương pháp giảng dạy cũ và tạo ra một chất lượng mới cho giáo dục - đào tạo, phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước trong tình hình mới. Các phương pháp giáo dục tiên tiến phát huy được tính chủ động của học sinh trong việc tự học, tự nghiên cứu để có thể phát triển và hoàn thiện những kỹ năng nổi trội của bản thân.

Tôi xin cam đoan mọi thông tin nêu trong đơn là trung thực, đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Ba Trại, ngày 8 tháng 5 năm
2024

Người yêu cầu

UBND HUYỆN BA VÌ
TRƯỜNG TH BA TRẠI A

Ngô Thị Minh Huệ
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU NHẬN XÉT ĐÁNH GIÁ

- Họ tên tác giả: **NGÔ THỊ MINH HUỆ**
- Tên đề tài: ***Giúp học sinh giải bài toán nâng cao về tỉ số phần trăm lớp 5***
- Lĩnh vực: Toán

STT	Tiêu chuẩn	Điểm tối đa
1	Sáng kiến có tính mới	
1.1	Hoàn toàn mới, được áp dụng đầu tiên	27/30
1.2	Có cải tiến so với giải pháp trước đây với mức độ khá	
1.3	Có cải tiến so với giải pháp trước đây với mức độ trung bình	
1.4	Không có tính mới hoặc sao chép từ các giải pháp đã có trước đây	
Nhận xét: SKKN có tính mới được áp dụng trong đơn vị, tác giả phát hiện và xây dựng được nội dung, phương pháp mới, phù hợp và nâng cao được hiệu quả, chất lượng trong quá trình thực hiện công tác của mình.		
2	Sáng kiến có tính áp dụng	
2.1	Có khả năng áp dụng trong phạm vi toàn ngành hoặc rộng hơn	26/30
2.2	Có khả năng áp dụng trong đơn vị và có thể nhân ra một số đơn vị có cùng điều kiện	
2.3	Có khả năng áp dụng trong đơn vị	
2.4	Không có khả năng áp dụng trong đơn vị	
Nhận xét: SKKN có hiệu quả cao, dễ áp dụng, mang tính khả thi, có tính ứng dụng cao, có khả năng ứng dụng đại trà trong các trường học.		
3	Sáng kiến có tính hiệu quả	
3.1	Có hiệu quả, đem lại lợi ích kinh tế - xã hội, có tính lan tỏa	27/30
3.2	Có hiệu quả, đem lại lợi ích kinh tế - xã hội	

3.3	Có hiệu quả, lợi ích phù hợp với mức độ phù hợp tại đơn vị	
3.4	Không có hiệu quả cụ thể	
Nhận xét: SKKN có sử dụng các phương pháp để phân tích, so sánh, tổng hợp, khái quát được mục tiêu, vấn đề nêu ra; phù hợp với quy luật, với xu thế chung, mang lại hiệu quả cao và có tính lan tỏa.		
4	Điểm trình bày	
4.1	Trình bày khoa học, hợp lý	10/10
4.2	Trình bày chưa khoa học, chưa hợp lý	
Nhận xét: Cấu trúc và nội dung SKKN được trình bày khoa học, hợp lý		
Tổng cộng: 90 điểm Đánh giá: ☒ Đạt (>70 điểm) ☐ Không đạt		

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG SÁNG KIẾN CƠ SỞ
HIỆU TRƯỞNG

MỤC LỤC

PHẦN I : ĐẶT VẤN ĐỀ.....	1
1.Tính cấp thiết.....	1
2. Mục tiêu của đề tài sáng kiến.....	2
3. Thời gian, đối tượng, phạm vi nghiên cứu.....	2
PHẦN II: NỘI DUNG CỦA SÁNG KIẾN.....	3
1. Hiện trạng vấn đề.....	3
2. Các biện pháp:.....	4
2.1. Rèn kĩ năng tính toán thành thạo các phép tính cộng, trừ, nhân, chia số thập phân.....	4
2.2. Phân loại 3 dạng toán về tỉ số phần trăm.....	4
2.3. Một số bài toán nâng cao về tỉ số phần trăm ở cả 3 dạng.....	8
3. Kết quả thu được.....	12
4. Hiệu quả của sáng kiến.....	13
4.1. Hiệu quả về khoa học:.....	13
4.2. Hiệu quả về kinh tế:.....	13
4.3. Hiệu quả về xã hội:.....	14
5. Tính khả thi:.....	14
6. Thời gian thực hiện đề tài sáng kiến:.....	14
7. Kinh phí thực hiện đề tài, sáng kiến:.....	14
PHẦN III: KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT.....	15
TÀI LIỆU THAM KHẢO	

PHẦN I : ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Tính cấp thiết.

*Giáo dục Tiểu học là bậc học được mọi quốc gia quan tâm. Thực hiện theo đúng chương trình, kế hoạch giáo dục: Dạy đủ 9 môn, dạy đúng chương trình kế hoạch của Bộ. Trong đó Toán học là bộ môn khoa học cơ bản được nhiều người quan tâm, chú ý. Qua việc học toán giúp các em mở rộng hiểu biết, rèn luyện sự nhanh trí, óc nhận xét và cách suy luận đúng đắn hợp lí. Nó giữ một vị trí quan trọng trong chương trình tiểu học bởi vì nó tạo cơ sở vững chắc về kiến thức và kĩ năng để học tốt môn toán ở lớp trên.

Giải toán về tỉ số phần trăm là một trong 5 dạng toán mà mạch kiến thức cơ bản giải toán có lời văn ở lớp 5 đề cập tới. Việc dạy giải toán tỉ số phần trăm góp phần rèn kĩ năng về phương pháp giải toán khả năng diễn đạt thông qua việc giải quyết các tình huống trong bài toán trình bày được cách giải, biết đưa ra câu lời giải và phép tính đúng để giải quyết yêu cầu của bài toán.

Đặc biệt toán về tỉ số phần trăm cũng rất gần gũi và được ứng dụng rộng rãi trong cuộc sống. Việc học giải loại toán này củng cố cho học sinh những hiểu biết cần thiết về tỉ số phần trăm khi tiếp xúc với những tình huống thực tế giúp học sinh biết vận dụng những kiến thức đã học để tính nhanh và giải quyết một số vấn đề của thực tế như tính tỉ số phần trăm của hai đại lượng cùng loại, giải bài toán phần trăm có liên quan đến vấn đề dân số, môi trường, hoạt động sản xuất, kinh doanh...Đó cũng là một trong những cơ sở làm tiền đề cho học sinh học tiếp các lớp trên và hình thành các phẩm chất, năng lực cần thiết của người lao động mới.

Tuy vậy, thực tế việc dạy học giải toán về tỉ số phần trăm ở lớp tôi gặp không ít khó khăn, bởi đây là loại toán khó, xuất hiện những khái niệm mới lạ và trừu tượng như tỉ số phần trăm, giá trị tỉ số phần trăm, thực hiện một số phần trăm kế hoạch, tiền vốn, tiền bán, tiền lãi,...Trong khi đó năng lực tư duy phân tích tổng hợp, khái quát hóa cụ thể hóa...của học sinh còn hạn chế.

Vì vậy, để góp phần nâng cao chất lượng dạy học nói chung đặc biệt là giúp học sinh nắm chắc về giải loại toán tỉ số phần trăm và có khả năng vận dụng tốt trong thực hành luyện tập cũng như có khả năng vận dụng trong thực tế, qua đề tài tôi muốn trao đổi kinh nghiệm giải dạng toán này.

Qua quá trình giảng dạy Toán 5, đặc biệt việc bồi dưỡng học sinh khá giỏi tôi nhận thấy: Trong toán tiểu học các bài toán về tỉ số phần trăm học sinh thường giải các dạng toán này dựa vào kiến thức có được trong chương trình. Vì vậy khi gặp bài tập nâng cao lên so với kiến thức chuẩn học sinh thường gặp khó

khẩn khi giải quyết bài tập. Vấn đề đặt ra cho người giáo viên: Làm sao trong quá trình giảng dạy phải cung cấp thêm kiến thức, đồng thời phải đưa ra phương pháp giải hiệu quả nhất để học sinh nắm được bản chất hiểu sâu bài theo logic toán học tạo ra cho các em niềm say mê, sự hứng thú, coi toán học là người bạn gần gũi nhất, thân thích nhất của mình.

Chính vì lí do trên tôi quyết định làm đề tài “***Giúp học sinh giải bài toán nâng cao về tỉ số phần trăm lớp 5***”

*** Điểm mới của đề tài:**

Trước đây, để dạy dạng bài giải toán về tỉ số phần trăm, giáo viên thường bám sát sách giáo khoa để thực hiện, chưa phân biệt tách bạch được 3 dạng cơ bản về tỉ số phần trăm trong chương trình, chưa tìm ra cách để hướng dẫn học sinh nhận diện và có cách giải từng dạng một.

Trong đề tài này, tôi đã đưa ra một số biện pháp để giúp học sinh có thể phân biệt nhận diện và có phương pháp giải đơn giản nhất cho từng dạng toán về tỉ số phần trăm.

2. Mục tiêu của đề tài sáng kiến.

Tôi chọn đề tài này nghiên cứu với mục đích:

- Cung cấp cho các em phương pháp giải hiệu quả nhất đối với 3 dạng toán trên.
 - Học sinh nắm được và hiểu rõ dùng phương pháp đó cần điều kiện gì?
- Giúp học sinh tháo gỡ những nhầm lẫn giữa dạng 2 và dạng 3.
- Rèn cho học sinh có kỹ năng giải toán.

3. Thời gian, đối tượng, phạm vi nghiên cứu.

- Thời gian nghiên cứu: Thực hiện trong năm học 2023 - 2024. Bắt đầu từ tháng 09/2023 đến cuối tháng 04/2024.

- Đối tượng nghiên cứu: “***Giúp học sinh giải bài toán nâng cao về tỉ số phần trăm lớp 5***”.

- Phạm vi: Học sinh lớp 5A2 - Trường Tiểu học Ba Trại A- Ba Vì - Hà Nội.

PHẦN II: NỘI DUNG CỦA SÁNG KIẾN

1. Hiện trạng vấn đề.

1.1 Thuận lợi: Bản thân tôi nhiều năm trực tiếp giảng dạy lớp 5 và đặc biệt được sự quan tâm của Ban giám hiệu nhà trường cùng với đội ngũ giáo viên giỏi, nhiệt tình có nhiều kinh nghiệm nên cũng có nhiều thuận lợi trong giảng dạy.

1.2. Khó khăn: Hầu hết học sinh lớp 5 khi học các tiết về giải toán về tỉ số phần trăm đều gặp rất nhiều khó khăn như:

- Học sinh còn lúng túng khi giải toán về tỉ số phần trăm.
- Học sinh hay nhầm lẫn giữa dạng 2 và dạng 3.
- Vận dụng sai quy tắc, tính toán hay nhầm lẫn.

1.3. Thực trạng: Qua giảng dạy và điều tra ban đầu tôi thấy học sinh trong lớp chưa có phương pháp giải dạng toán trên. Học sinh còn dập khuôn máy móc chưa biết khai thác triệt để các cách giải khác nhau vì vậy học sinh thường khó khăn khi gặp bài toán cần qua vài bước giải để dẫn tới bài cơ bản. Đặc biệt phần trình bày bài của học sinh còn chưa khoa học.

Tôi ra một đề kiểm tra cho 25 em khá giỏi như sau:

Dạng 1: Tìm tỉ số phần trăm của hai số.

Bài toán: Trường Tiểu học Thắng Lợi có 600 học sinh, trong đó có 315 học sinh nữ. Tìm tỉ số phần trăm của số học sinh nữ và số học sinh toàn trường.

Dạng 2: Tìm phần trăm của một số.

Bài toán: Một trường tiểu học có 800 học sinh, trong đó số học sinh nữ chiếm 52,5%. Tính số học sinh nữ của trường đó.

Dạng 3: Tìm một số biết phần trăm của nó.

Bài toán: Số học sinh nữ của một trường là 420 em và chiếm 52,5% số học sinh toàn trường. Hỏi trường đó có bao nhiêu học sinh?

Sau khi thu bài kiểm tra, tôi đã thu được kết quả như sau:

TS bài TSHS	Số HS giải được		Số HS không giải được	
	SL	%	SL	%
$\frac{25}{25}$	8	32	17	68

Với kết quả trên, tôi thật sự lo lắng. Nhìn vào cách làm của học sinh, tôi thấy hầu như các em tự mày mò chứ không theo một công thức nào.

Sở dĩ có hiện trạng này là vì:

- Đây là loại toán khó, có nhiều vấn đề trừu tượng

- Khả năng khái quát hóa, trừu tượng hóa của học sinh còn hạn chế
- Học sinh chưa nắm chắc các dạng toán, chưa có được cái nhìn tổng quan về loại toán này do đó hay bị nhầm lẫn giữa các dạng bài trong khi giải.

2. Các biện pháp:

Để giúp học sinh có thể giải thành thạo 3 dạng toán cơ bản về tỉ số phần trăm trong chương trình lớp 5 tôi đã thực hiện lần lượt các biện pháp sau:

2.1. Rèn kĩ năng tính toán thành thạo các phép tính cộng, trừ, nhân, chia số thập phân.

Ngay từ tuần học thứ 7, khi bước sang nội dung học về số thập phân, tôi đã thực hiện các biện pháp rèn kĩ năng tính toán với số thập phân vì đây là một bước phục vụ cho việc tính toán khi giải toán về tỉ số phần trăm. Đảm bảo tất cả học sinh đều làm được các phép tính cộng, trừ, nhân, chia số thập phân. Ngay sau khi học sinh được làm quen với tỉ số phần trăm ở tiết 74, sang tiết 75 bắt đầu dạy dạng thứ nhất, tôi sẽ đặt tên cho từng dạng một.

2.2. Phân loại 3 dạng toán về tỉ số phần trăm

2.2.1. Dạng 1: Tìm tỉ số phần trăm của hai số

Để hướng dẫn học sinh rút ra cách tìm tỉ số phần trăm của hai số, tôi hướng dẫn qua các bước sau:

- Bước 1: Tổ chức cho học sinh nhắc lại khái niệm về tỉ số phần trăm
- Bước 2: Hướng dẫn giải bài toán dạng này

Bài toán: Trường Tiểu học Thắng Lợi có 600 học sinh, trong đó có 315 học sinh nữ. Tìm tỉ số phần trăm của số học sinh nữ và số học sinh toàn trường.

Giáo viên ghi tóm tắt lên bảng

Số học sinh toàn trường: 600 hs

Số học sinh nữ : 315 hs

*Yêu cầu học sinh:

- + Viết tỉ số học sinh nữ và số học sinh toàn trường ($315 : 600$)
- + Thực hiện phép chia ($315 : 600 = 0,525$)
- + Nhân với 100 và chia cho 100 ($0,525 \times 100 : 100 = 52,5\%$)

Nêu: Thông thường ta viết gọn cách tính như sau:

$$315 : 600 = 0,525 = 52,5\%$$

*Yêu cầu học sinh nhận xét và rút ra quy tắc gồm 2 bước:

- + Bước 1: Chia 315 cho 600
- + Bước 2: Nhân thương đó với 100 và viết kí hiệu % vào bên phải tích

vừa tìm được

- Bước 3: Giúp học sinh nhận ra bài toán có dạng tổng quát là: Cho a và b. Tìm tỉ số phần trăm của a và b

Cách giải:

Bước 1: Lập tỉ số $a : b$

Bước 2: Tìm thương dưới dạng số thập phân (nếu thương là số thập phân)

Bước 3: Nhân nhẩm thương với 100 và thêm kí hiệu % vào bên phải kết quả nhẩm.

Lưu ý: Thông thường khi tìm tỉ số hay tỉ số phần trăm của hai số học sinh phân vân không biết nên đặt số nào là số bị chia, số nào là số chia. Để giúp học sinh, tôi hướng dẫn học sinh xác định bằng một “mẹo” là: Khi tìm tỉ số phần trăm của hai số, số nào câu hỏi nêu trước thì lấy số đó làm số bị chia (số a), số nào nêu sau thì lấy làm số chia (số b). Cụ thể như ở ví dụ trên, dựa vào câu hỏi ta xác định số học sinh nữ được câu hỏi nêu trước ta lấy làm số bị chia và số học sinh toàn trường ta lấy làm số chia.

$$315 : 600 = 0,525 = 52,5\%$$

2.2.2. Dạng 2: Tìm phần trăm của một số

Bài toán: Một trường tiểu học có 800 học sinh, trong đó số học sinh nữ chiếm 52,5%. Tính số học sinh nữ của trường đó.

a) Bước 1 : Hướng dẫn giải

Ghi tóm tắt lên bảng

- + Số học sinh toàn trường : 800 học sinh
- + Số học sinh nữ chiếm : 52,5%
- + Số học sinh nữ : ? học sinh

Em hiểu câu “số học sinh nữ 52,5% số học sinh cả trường” có nghĩa như thế nào? (Coi số học sinh cả trường là 100%, cả trường chia thành 100 phần bằng nhau thì số học sinh nữ chiếm 52,5 phần như thế)

Muốn biết 52,5% có bao nhiêu học sinh (HS nữ) trước hết ta cần phải biết mấy phần? (1% số học sinh của trường đó)

Hỏi: Cả trường có bao nhiêu học sinh? (cả trường có 800 học sinh)

*Hướng dẫn học sinh ghi tóm tắt các bước thực hiện

- 100% học sinh toàn trường: 800 học sinh
- 1% số học sinh toàn trường: ? học sinh
- 52,5 số học sinh toàn trường: ? học sinh

*Hướng dẫn học sinh đi đến cách tính:

1% số học sinh toàn trường là:

$$800 : 100 = 8 \text{ (học sinh)}$$

52,5 số học sinh toàn trường (hay số học sinh nữ) là

$$8 \times 52,5 = 420 \text{ (học sinh)}$$

Thông thường 2 bước trên ta viết gộp như sau:

$$800 : 100 \times 52,5 = 420$$

$$\text{Hoặc : } 800 \times 52,5 : 100 = 420$$

b) Bước 2: Yêu cầu học sinh nhận xét và phát biểu quy tắc: Muốn tìm 52,5% của 800 ta có thể lấy 800 chia cho 100 rồi nhân với 52,5 rồi chia cho 100

c) Bước 3: Giúp học sinh nhận ra bài toán có dạng tổng quát là: Cho b và tỉ số phần trăm của a và b. Tìm a

Như vậy áp dụng vào ví dụ trên thì :

$$+ b = 800$$

$$+ \text{Tỉ số phần trăm của a và b là } 52,5\%$$

$$+ a \text{ là số phải tìm (a = 420) là giá trị tỉ số phần trăm của số cho trước}$$

* Cách giải: Muốn tìm giá trị phần trăm của một số cho trước ta lấy số đó nhân với chỉ số phần trăm rồi chia cho 100(hoặc lấy số đó chia cho 100 rồi nhân với số chỉ số phần trăm)

$$\text{Hay: } a = b \times (\text{số chỉ số phần trăm đã cho}) : 100$$

$$(420 = 800 \times 52,5 : 100)$$

$$\text{Hoặc : } a = b : 100 \times (\text{số chỉ số phần trăm đã cho})$$

$$(420 = 800 : 100 \times 52,5)$$

Lưu ý : Trong một số trường hợp cần qua bước trung gian để đưa về bài toán cơ bản

* Bài tập áp dụng: Một lớp có 32 học sinh, trong đó số học sinh 10 tuổi chiếm 75%, còn lại là số học sinh 11 tuổi. Tính số học sinh 11 tuổi của lớp học đó.

* Hướng dẫn học sinh xác định :

$$- \text{Số đã cho : } b = 32 \text{ học sinh}$$

$$- \text{Số chỉ số phần trăm : } 100\% - 75\% = 25\%$$

$$- \text{Số phải tìm là : } a \text{ (số học sinh 11 tuổi)}$$

* Áp dụng cách giải trên ta có:

Số học sinh 11 tuổi chiếm tỉ số phần trăm học sinh lớp là:

$$100\% - 75\% = 25\%$$

Số học sinh 11 tuổi của lớp học đó là:

$$32 \times 25 : 100 = 8 \text{ (học sinh)}$$

Đáp số : 8 học sinh

* Đây chỉ là một cách giải, học sinh có thể giải theo cách khác

2.2.3. Dạng 3 : Tìm một số biết giá trị tỉ số phần trăm của số đó

Bài toán: Số học sinh nữ của một trường là 420 em và chiếm 52,5% số học sinh toàn trường. Hỏi trường đó có bao nhiêu học sinh?

a) Bước 1 : Tóm tắt

+ 52,5% số học sinh toàn trường : 42 học sinh

+ 1 % số học sinh toàn trường : ? học sinh

+ 100% số học sinh toàn trường : ? học sinh

Yêu cầu học sinh thực hiện cách tính:

1% số học sinh toàn trường là:

$$420 : 52,5 = 8 \text{ (học sinh)}$$

100% số học sinh toàn trường (hay số học sinh toàn trường) là:

$$8 \times 100 = 800 \text{ (học sinh)}$$

* Giới thiệu cách trình bày gộp

$$420 : 52,5 \times 100 = 800 \text{ (học sinh)}$$

Hoặc : $420 \times 100 : 52,5 = 800 \text{ (học sinh)}$

b) Bước 2 : Yêu cầu học sinh phát biểu quy tắc:

Muốn tìm một số biết 52,5% của nó là 420 ta có thể lấy 420 chia cho 52,5 rồi nhân với 100 hoặc lấy 420 nhân với 100 rồi chia cho 52,5

c) Bước 3 : Giúp học sinh rút ra bài toán tổng quát của dạng toán này là:

Cho a và tỉ số phần trăm của a và b. Tìm b

Cụ thể khi áp dụng vào ví dụ trên thì :

- a là số đã cho (giá trị phần trăm) 420

- Tỉ số phần trăm đã cho : 52,5%

- b số phải tìm

* Cách giải: Muốn tìm một số biết giá trị tỉ số phần trăm của số đó ta lấy số đã cho chia cho số chỉ số phần trăm rồi nhân với 100

Tức là: $b = a : (\text{số chỉ số phần trăm đã cho}) \times 100$

$$(800 = 420 : 52,5 \times 100)$$

Hoặc : $b = a \times 100 : (\text{số chỉ số phần trăm đã cho}) \times 100$

$$(800 = 420 \times 100 : 52,5)$$

* Bài tập áp dụng:

Năm vừa qua nhà máy chế tạo được 1590 ô tô. Tính ra, nhà máy đã đạt 120% kế hoạch. Hỏi theo kế hoạch nhà máy dự định sản xuất bao nhiêu ô tô?

Để giải được bài toán này tôi hướng dẫn học sinh xác định:

+ a là số đã cho: 1590 ô tô

+ Tỉ số phần trăm đã cho: 120%

+ b là số phải tìm (số ô tô nhà máy dự định sản xuất)

Áp dụng cách giải trên ta có:

Số ô tô nhà máy dự định sản xuất là

$$1590 \times 100 : 120 = 1325 \text{ (ô tô)}$$

Đáp số: 1325 ô tô

2.3. Một số bài toán nâng cao về tỉ số phần trăm ở cả 3 dạng

2.3.1. Dạng 1

Bài 1: Nhà An nuôi 8 con bò, trong đó có 3 con bò đực. Hỏi

- Số bò đực chiếm bao nhiêu phần trăm tổng số bò?
- Tỉ số phần trăm giữa số bò đực và số bò cái là bao nhiêu?

*Cách làm: a) $3 : 8 = 0,375 = 37,5\%$

b) tìm số bò cái ($8 - 3 = 5$ con)

Tìm tỉ số phần trăm bò đực và bò cái ($3 : 5 = 0,6 = 60\%$)

Bài 2 : Một nhà máy dự định sản xuất 80 sản phẩm trong một tuần, nhưng thực tế lại sản xuất được 100 sản phẩm. Hỏi nhà máy đã sản xuất vượt dự định bao nhiêu phần trăm?

*Cách làm:

Bước 1: Tìm số sản phẩm vượt ($100 - 80 = 20$ sản phẩm)

Bước 2 : Tìm % vượt mức so với dự định : $20 : 80 = 0,25 = 25\%$

(Học sinh có thể làm cách khác)

- Bước 1: Tìm tỉ số phần trăm số sản phẩm thực tế sản xuất được so với số sản phẩm dự định: $100 : 80 = 1,25 = 125\%$

- Bước 2: Tìm số phần trăm sản phẩm vượt dự định: $125\% - 100\% = 25\%$

Bài 3: Trong phong trào thi đua lao động ở một nhà máy sản xuất máy cày, năng suất lao động năm nay tăng 25% so với năm trước. Hỏi thời gian làm ra một chiếc máy cày năm nay giảm bao nhiêu phần trăm so với năm trước?

*Cách làm: Năng suất năm nay tăng 25% so với năm trước $\Rightarrow$ năng suất

năm nay so với năm trước thì bằng: $100\% + 25\% = 125\% = \frac{125}{100}$

Vì năng suất và thời gian là 2 đại lượng tỉ lệ nghịch $\Rightarrow$ thời gian làm ra 1 sản phẩm năm nay so với năm trước thì bằng: $\frac{100}{125} = 0,8 = 80\%$

$\Rightarrow$ thời gian làm ra 1 máy cày năm nay so với năm trước thì giảm:

$$100\% - 80\% = 20\%$$

Bài 4: Một người bán một chiếc xe đạp được lãi 15% giá bán. Hỏi người đó được lãi bao nhiêu phần trăm giá mua chiếc xe đạp?

Phân tích: Giúp học sinh hiểu lãi 15% giá bán nghĩa là gì? (Nghĩa là coi giá bán là 100% thì lãi là 15%). Từ đó suy ra giá mua là ($100\% - 15\% = 85\%$)

Học sinh biết bài toán yêu cầu tìm gì? (tỉ số phần trăm tiền lãi so với giá mua) bài toán tỉ số phần trăm dạng mấy? (dạng 1). Từ đó học sinh dễ dàng giải được bài toán này

Bài giải

Coi giá bán chiếc xe đạp là 100% thì tiền lãi là 15%.

Giá mua chiếc xe đạp là

$$100\% - 15\% = 85\%$$

Tiền lãi chiếm số phần trăm giá mua là

$$15 : 85 = 0,1764... = 17,64\%$$

Đáp số 17,64%

Bài 5: Một cửa hàng bán rau được lãi 25% giá vốn. Hỏi cửa hàng đó được lãi bao nhiêu phần trăm giá bán?

Phân tích: Tương tự bài toán 1 học sinh phải hiểu lãi 25% giá vốn nghĩa là gì? (Nghĩa là coi giá vốn là 100% thì tiền lãi là 25%. Từ đó suy ra giá bán là $(100\% + 25\% = 125\%)$)

Học sinh biết bài toán yêu cầu tìm gì? (tìm tỉ số phần trăm tiền lãi so với giá bán). Bài toán tỉ số phần trăm dạng mấy? (dạng 1). Từ đó học sinh dễ dàng giải được bài toán này

Bài giải

Coi giá vốn là 100% thì tiền lãi là 25%

Giá bán là

$$100\% + 25\% = 125\%$$

Tiền lãi chiếm số phần trăm giá bán là

$$25 : 125 = 0,2 = 20\%$$

Đáp số : 20%

2.3.2 Dạng 2

Bài 1: Một miếng đất có diện tích 2000 m², người ta đào ao nuôi cá hết 34% diện tích, phần còn lại để trồng rau. Hỏi diện tích trồng rau là bao nhiêu vuông?

* Cách làm: Tìm diện tích đào ao $(2000 : 100 \times 34 = 680 \text{ m}^2)$

Tìm diện tích trồng rau $(2000 - 680 = 1320 \text{ m}^2)$

(Học sinh có thể làm theo cách khác)

Bài 2 : Cửa hàng bán một bếp ga với giá 600 000 đồng thì được lãi 12% giá bán . Hỏi giá vốn của bếp ga là bao nhiêu?

*Cách làm: Tiền lãi bán bếp ga là: $600\ 000 \times 12 : 100 = 72\ 000$ (đồng)

Giá vốn bếp ga là: $600\ 000 - 72\ 000 = 528\ 000$ (đồng)

Bài 3: Một đàn trâu bò có tất cả 150 con. Trong đó số trâu chiếm 60% cả đàn. Hỏi có bao nhiêu con bò?

*Cách làm: Tìm số trâu: $150 : 100 \times 60 = 90$ con

Tìm số bò : $150 - 90 = 60$ con

(Học sinh có thể làm cách khác)

*Cách làm: Tìm số phần trăm con bò: $100\% - 60\% = 40\%$

Tìm số con bò: $150 : 100 \times 40 = 60$ con

Bài 4: Ở một thị xã đầu năm 2014 có số dân là 120 000 người, biết rằng tỉ lệ tăng dân số của thị xã đó là 1% một năm. Hỏi đến đầu năm 2016 thì dân số thị xã đó có bao nhiêu người?

Phân tích: - Đọc đầu bài

- Phân tích đầu bài

- Nêu các bước làm : Tìm số dân tăng năm 2014(tìm 1% của 120 000 người) $\Rightarrow$ tìm số dân đầu năm 2015 $\Rightarrow$ số dân tăng trong năm 2015(tìm 1% của số dân đầu năm 2015) $\Rightarrow$ tìm số dân đầu năm 2016. Học sinh xác định được bài toán tỉ số phần trăm dạng 2.

Bài giải

Dân số thị xã tăng trong năm 2014 là

$$120\,000 \times 1 : 100 = 1\,200 \text{ (người)}$$

Dân số thị xã vào đầu năm 2015 là

$$120\,000 + 1\,200 = 121\,200 \text{ (người)}$$

Dân số thị xã tăng trong năm 2015 là

$$121\,200 \times 1 : 100 = 1\,212 \text{ (người)}$$

Dân số thị xã vào đầu năm 2016 là

$$121\,200 + 1\,212 = 122\,412 \text{ (người)}$$

Đáp số : 122 412 người

Bài 5: Một người bán một máy quay sinh tố với giá 403300 đồng, tính ra người đó được lãi 9% giá vốn. Hỏi người đó được lãi bao nhiêu tiền ?

Phân tích: Hướng dẫn để học sinh hiểu lãi 9% giá vốn nghĩa là coi giá vốn là 100% thì lãi là 9% $\Rightarrow$ giá bán chiếm $(100\% + 9\% = 109\%)$. Từ đó sẽ tìm được tiền vốn $(403\,300 : 109 \times 100 = 370\,000)$ bài toán tỉ số phần trăm dạng 2 $\Rightarrow$ tìm được tiền lãi

Bài giải

Giá bán so với giá vốn thì bằng:

$$100\% + 9\% = 109\%$$

Giá vốn của máy quay sinh tố là

$$403\,300 : 109 \times 100 = 370\,000 \text{ (đồng)}$$

Tiền lãi bán máy quay sinh tố là :

$$403\,300 - 370\,000 = 33\,300 \text{ (đồng)}$$

Đáp số : 33300 đồng

2.3.3 Dạng 3

Bài 1: Một cửa hàng mua về một số nước mắm, ngày thứ nhất cửa hàng bán được 78 lít, chiếm 60% tổng số nước mắm, ngày thứ hai bán 42 lít. Hỏi sau hai ngày cửa hàng còn lại bao nhiêu lít nước mắm?

*Cách làm : Tìm tổng số nước mắm cửa hàng mua về :

$$78 : 60 \times 100 = 130 \text{ lít}$$

$$\text{Tìm tổng số nước mắm bán 2 ngày : } 78 + 42 = 120 \text{ lít}$$

$$\text{Tìm số nước mắm còn lại : } 130 - 120 = 10 \text{ lít}$$

Bài 2 : Trong một nhà máy người ta chia thành 3 tổ công nhân. Số công nhân tổ 1 chiếm 25% tổng số công nhân, số công nhân tổ hai chiếm nhiều hơn số công nhân tổ 1 là 5% tổng số công nhân, biết tổng số công nhân tổ 1 và tổ 2 là 66 công nhân. Hỏi tổ ba có bao nhiêu công nhân?

*Cách làm: Tìm số phần trăm số công nhân tổ 2 : $25\% + 5\% = 30\%$

Tìm tổng số phần trăm số công nhân tổ 1 và tổ 2: $25\% + 30\% = 55\%$

Tìm tổng số công nhân cả 3 tổ: $66 : 55 \times 100 = 120$ công nhân

Tìm số công nhân tổ 3: $120 - 66 = 54$ công nhân

Bài 3: Sau khi giảm giá 10% thì bà Tư bán 1 chiếc áo sơ mi được 360 000 đồng. Hỏi nếu chưa giảm giá thì 10 chiếc áo cùng loại sẽ phải được bán với bao nhiêu tiền?

*Cách làm: Tìm giá sau khi giảm so với giá ban đầu thì bằng:

$$100\% - 10\% = 90\%$$

Tìm giá ban đầu 1 chiếc áo : $360\,000 : 90 \times 100 = 400\,000$ đồng

Tìm giá ban đầu 10 chiếc áo: $400\,000 \times 10 = 4\,000\,000$ đồng

Bài 4: Một người mua 10 bóng đèn điện, vì được giảm 15% giá chính thức nên chỉ phải trả số tiền là 731 000 đồng. Hỏi giá chính thức của một bóng đèn là bao nhiêu tiền?

Phân tích: Hướng dẫn học sinh hiểu giá chính thức là giá chưa giảm là giá 100%. Còn 73 100 đồng là ứng với số % là $(100\% - 15\% = 85\%)$. Từ đó học sinh tìm được giá chính thức 10 bóng đèn ($731\,000 : 85 \times 100$) bài toán tỉ số phần trăm dạng 3 => giá chính thức 1 bóng đèn.

Bài giải

Giá bán 10 bóng đèn so với giá chính thức thì bằng:

$$100\% - 15\% = 85\%$$

Giá chính thức của 10 bóng đèn là:

$$731\,000 : 85 \times 100 = 860\,000 \text{ (đồng)}$$

Giá chính thức của một bóng đèn là:

$$860\,000 : 10 = 86\,000 \text{ (đồng)}$$

Đáp số : 86 000 đồng

Bài 5: Một tấm vải sau khi giặt bị co mất 2% chiều dài ban đầu. Sau khi giặt xong tấm vải chỉ còn lại 29,4 m. Hỏi trước khi giặt tấm vải dài bao nhiêu mét?

Phân tích: Hướng dẫn học sinh hiểu bị co mất 2% chiều dài ban đầu nghĩa là gì? (nghĩa là chiều dài tấm vải ban đầu là 100% thì bị co mất 2%). => tấm vải còn lại ứng với bao nhiêu phần trăm? ($100\% - 2\% = 98\%$). Từ đó học sinh sẽ tìm được chiều dài tấm vải ban đầu (nghĩa là 100% chiều dài ban đầu). Bài toán tỉ số phần trăm dạng 3

Bài giải

Tấm vải còn lại so với tấm vải ban đầu thì bằng:

$$100\% - 2\% = 98\%$$

Tấm vải ban đầu dài là:

$$29,4 : 98 \times 100 = 30 \text{ (m)}$$

Đáp số: 30 m

3. Kết quả thu được

Với việc vận dụng cách dạy trên, sau một thời gian bồi dưỡng học sinh có năng khiếu toán, kỹ năng của các em về dạng toán này tăng lên rõ rệt. Tôi đã sử dụng phiếu bài tập để kiểm tra 3 dạng toán trên. Đề bài như sau:

Bài 1: Một nhà máy có 400 công nhân, trong đó có 40% là công nhân nữ. Hãy tính:

- Số công nhân nữ của nhà máy.
- Tỉ số phần trăm của công nhân nữ và công nhân nam.

Bài 2: Một cửa hàng bán một bếp ga giá 403 300 đồng. Tính ra người đó được lãi 9% giá vốn. Hỏi người đó lãi bao nhiêu tiền?

Bài 3: Một người mua 8 quyển sách cùng loại, vì được giảm 10% nên chỉ phải trả 540 000 đồng. Hỏi giá bìa mỗi quyển sách là bao nhiêu?

Sau khi ra bài kiểm tra xong, tôi kiểm chứng lại thì thấy hầu như các em làm đúng theo hướng tôi dạy. Tôi đã thu được kết quả như sau:

Thời điểm khảo sát	TS Bài	Số HS giải được		Số HS không giải được	
	TSHS	SL	%	SL	%
Kết quả trước khi thực hiện đề tài (Năm học 2023-2024)	$\frac{25}{25}$	8	32	17	68
Kết quả sau khi thực hiện đề tài (Năm học 2023-2024)	$\frac{25}{25}$	24	96	1	4

Qua kết quả đạt được như trên, tôi thấy vào đợt khảo sát lần hai thì số học sinh không giải được bài toán về tỉ số phần trăm chỉ còn 1 học sinh. So với lần khảo sát trước thì kết quả trên là rất đáng mừng. Điều đó cho thấy những cố gắng đổi mới trong phương pháp dạy học của tôi đã có kết quả tốt.

***Bài học kinh nghiệm**

Qua hơn một học kì giảng dạy học sinh có năng khiếu môn Toán lớp 5, với việc mạnh dạn đưa ra hướng đi mới cho dạng toán tỉ số phần trăm như trên, đồng thời nhân rộng trong đơn vị, tôi đã đúc rút được một số kinh nghiệm nhỏ cho dạng toán như sau:

Ngay từ đầu giáo viên phải làm bài kiểm tra về dạng toán đó để thấy được trình độ của học sinh để từ đó có phương pháp dạy phù hợp.

Để giúp học sinh có cái nhìn một cách tổng quát các bài toán về tỉ số phần trăm đã học, tránh nhầm lẫn khi tiếp xúc, có thể giúp các em hệ thống lại như sau:

Dạng 1: Tìm tỉ số phần trăm của hai số

Cho a và b. Tìm tỉ số phần trăm của a và b

*Cách giải: + Lập tỉ số: $(a : b)$

+ Tìm thương dưới dạng số thập phân rồi nhân nhẩm thương với 100 và viết kí hiệu % vào bên phải của tích vừa tìm được.

Dạng 2: Tìm phần trăm của một số

Cho b và tỉ số phần trăm của a và b. Tìm a

Cách giải: $a = b : 100 \times (\text{số chỉ phần trăm})$

($a = b : 100 \times P\%$)

Hoặc $a = b \times (\text{số chỉ phần trăm}) : 100$

$$a = \frac{b \times P\%}{100}$$

Dạng 3: Tìm một số biết giá trị phần trăm của nó

Cho a và số chỉ phần trăm của a và b. Tìm b

* Cách giải: $b = a : (\text{số chỉ phần trăm}) \times 100$

Hoặc $b = a \times 100 : (\text{số chỉ phần trăm})$

4. Hiệu quả của sáng kiến

4.1. Hiệu quả về khoa học:

Sáng kiến với các biện pháp khoa học, phù hợp với điều kiện của trường Tiểu học Ba Trại A cũng như các trường Tiểu học khác.

4.2. Hiệu quả về kinh tế:

Sáng kiến kinh nghiệm “Giúp học sinh giải bài toán nâng cao về tỉ số phần trăm lớp 5”, bản thân tôi đã kết hợp giữa các hình thức dạy học qua máy chiếu,

các tư liệu dạy học từ các phương tiện truyền thông điều đó đã tiết kiệm được nguồn kinh phí làm đồ dùng trực quan, biết cách khắc phục những điều kiện khó khăn về cơ sở vật chất trong nhà trường để tự hoàn chỉnh phương pháp dạy học cho riêng mình.

4.3. Hiệu quả về xã hội:

Sáng kiến kinh nghiệm “Giúp học sinh giải bài toán nâng cao về tỉ số phần trăm lớp 5” đã thúc đẩy việc nghiên cứu, ứng dụng trong công tác giảng dạy, mang đến những đổi mới, sáng tạo trong việc dạy và học. Giúp giáo viên hiểu rõ và áp dụng được những đổi mới của phương pháp dạy học trong từng phần, từng môn học được phụ trách. Có những đánh giá đúng và chính xác về khả năng tiếp thu kiến thức, kỹ năng của học sinh trong từng bài học. Khắc phục được các nhược điểm của phương pháp giảng dạy cũ và tạo ra một chất lượng mới cho giáo dục - đào tạo, phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước trong tình hình mới. Các phương pháp giáo dục tiên tiến phát huy được tính chủ động của học sinh trong việc tự học, tự nghiên cứu để có thể phát triển và hoàn thiện những kỹ năng nổi trội của bản thân.

5. Tính khả thi:

Sáng kiến kinh nghiệm “*Giúp học sinh giải bài toán nâng cao về tỉ số phần trăm lớp 5*” nhằm giúp học sinh tháo gỡ những nhầm lẫn giữa các dạng toán về tỉ số phần trăm để các em học tốt môn Toán được áp dụng rất tốt trong trường Tiểu học của tôi.

Với những kinh nghiệm trên tôi đã góp phần nâng cao chất lượng của giờ dạy học Toán của tôi nói riêng và chất lượng giáo dục nói chung. Đồng thời tạo sự say mê hứng thú cho học sinh khi học Toán và các môn học khác.

Khi giảng dạy tôi đã khắc phục và giải quyết được những khó khăn, khúc mắc trong công tác giảng dạy, giáo dục học sinh. Nâng cao nghiệp vụ công tác của bản thân và là cơ sở để trao đổi kinh nghiệm hữu ích với đồng nghiệp trong ngành. Sáng kiến này đã là những đúc kết được từ những sự việc trực tiếp giảng dạy với hình thức dạy phong phú, những hoạt động giảng dạy cụ thể đã được tiến hành. Sáng kiến áp dụng được cho tất cả các đối tượng học sinh lớp 5.

6. Thời gian thực hiện đề tài sáng kiến:

Từ tháng 9 năm 2023 đến hết tháng 4 năm 2024

7. Kinh phí thực hiện đề tài, sáng kiến:

Không mất kinh phí

PHẦN III: KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Đề tài trên là tâm huyết và sự đúc kết kinh nghiệm trong quá trình dạy học của tôi, nó đã giúp học sinh học tốt hơn về môn Toán, giúp việc giảng dạy của tôi đạt kết quả cao hơn. Đồng thời để nâng cao chất lượng học sinh, giúp các em có cái nhìn một cách tổng quát các bài toán về tỉ số phần trăm đã học, tránh nhầm lẫn khi tiếp xúc các dạng toán này.

1. Đối với Phòng giáo dục.

- Thường xuyên tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên đề, bồi dưỡng, nâng cao trình độ cho giáo viên.
- Tiếp tục phổ biến sáng kiến kinh nghiệm có hiệu quả cho giáo viên tiếp cận, lấy đó làm tư liệu giảng dạy.

2. Đối với Nhà trường

- Ban giám hiệu thường xuyên kiểm tra thông qua các tiết dự giờ, thăm lớp, khảo sát học sinh. Qua đó giáo viên thêm kinh nghiệm cho bản thân.
- Thường xuyên tổ chức các chuyên đề về môn Toán ở tất cả các khối lớp, đề giáo viên học hỏi, trao đổi kinh nghiệm với đồng nghiệp.

3. Đối với giáo viên

- Cần có nhận thức đúng: giáo viên chính là trực tiếp giảng dạy các em, không ai làm thay được và điều đó diễn ra thường xuyên, liên tục trong bài học, môn học, lớp học, trường học và quá trình dạy học.
- Luôn bổ sung cho mình những kiến thức còn thiếu, người giáo viên cần phải thực hiện tốt việc đổi mới phương pháp dạy học. Có công tác chuẩn bị tốt trước khi lên lớp trong đó chú trọng việc thiết kế bài dạy theo hướng tích cực hoá các hoạt động của học sinh.
- Cần phải biết tạo ra không khí học tập thật thoải mái, tự nhiên, tránh gây căng thẳng. Biết trân trọng những phát hiện của các em dù là nhỏ nhất để hình thành ở các em niềm tin vào bản thân mình. Giáo viên cần quan tâm đến mọi đối tượng học sinh, phát huy khả năng và sở trường của các em. Biết tạo ra một môi trường học tập tích cực để các em có cơ hội bộc lộ khả năng của cá nhân, biết trình bày quan điểm, ý kiến của mình trước tập thể, biết tự đánh giá kết quả học tập, biết học hỏi lẫn nhau trong quá trình học tập.

4. Đối với phụ huynh

- Mua đầy đủ đồ dùng học tập cho con em;
- Thường xuyên quan tâm hơn nữa về việc học tập của con em;
- Kết hợp chặt chẽ giữa gia đình – nhà trường để cùng giáo dục.

5. Đối với học sinh:

- Luôn đọc trước bài ở nhà kể cả bài cũ và bài mới.
- Tích cực tham gia các hình thức làm bài trên lớp.
- Cần mạnh dạn, tự tin phát biểu ý kiến của mình trước lớp. Cần phát huy tính chủ động, tích cực sáng tạo trong các hoạt động học tập.

Trên đây đề tài “*Giúp học sinh giải bài toán nâng cao về tỉ số phần trăm lớp 5*” chỉ là của cá nhân tôi. Trong quá trình thực hiện, tôi đã nhận được sự giúp đỡ nhiệt tình của chị em đồng nghiệp, sự quan tâm chỉ đạo sát sao và động viên của Tổ khối và của Ban giám hiệu nhà trường. Song, sẽ không tránh khỏi thiếu sót hạn chế. Tôi rất mong nhận được sự góp ý chân thành của các bạn đồng nghiệp, các cấp lãnh đạo. Kính mong Ban giám hiệu nhà trường nhận xét, góp ý, bổ sung cho nội dung nghiên cứu của tôi ngày càng hoàn thiện hơn.

Tôi xin chân thành cảm ơn!

XÁC NHẬN CỦA BGH

Ba Trại, ngày 8 tháng 5 năm 2024

Người viết

Ngô Thị Minh Huệ

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Toán bồi dưỡng học sinh lớp 5

Tác giả: Nguyễn Áng – Dương Quốc Ấn

Hoàng Thị Phước Hảo – Phan Thị Nghĩa

2. Tuyển tập các bài toán hay và khó lớp 5

Tác giả: Trần Huỳnh Thống – Bảo Châu – Lê Phú Hùng

3. Các bài toán thông minh 5

Tác giả: Tô Hoài Phong – Huỳnh Bảo Châu – Lê Hải Anh

4. 500 bài toán trắc nghiệm 5

Tác giả: Phạm Đình Thực